

CÔNG TY TNHH F.O.B VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH F.O.B VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: F.O.B VIET NAM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108030994

3. Ngày thành lập: 19/10/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 9 phố Hoàng Ngân, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
2.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
3.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
4.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
5.	Sản xuất nhạc cụ	3220
6.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
7.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
8.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
9.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
10.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
11.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
12.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
13.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
14.	Bốc xếp hàng hóa	5224
15.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
16.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
17.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
18.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
19.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
20.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
21.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512

22.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: + Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; + Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; + Bán buôn cao su; + Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; + Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép;	4669
23.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại	4719
24.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
25.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
26.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
27.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
28.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
29.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
30.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
31.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
32.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
33.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
34.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
35.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
36.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
37.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
38.	Sửa chữa đồ dùng cá nhân và gia đình khác	9529
39.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
40.	Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ	9632
41.	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9633
42.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
43.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
44.	Tái chế phế liệu	3830
45.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
46.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
47.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721

48.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
49.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
50.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
51.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
52.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
53.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1321
54.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
55.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
56.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
57.	Cổng thông tin	6312
58.	Sản xuất giống thủy sản	0323
59.	Bán buôn gạo	4631
60.	Bán buôn thực phẩm	4632(Chính)
61.	Bán buôn đồ uống	4633
62.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
63.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
64.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
65.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
66.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
67.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
68.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
69.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
70.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
71.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
72.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
73.	Sản xuất đường	1072
74.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
75.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
76.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
77.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
78.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
79.	Dịch vụ đóng gói	8292
80.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;	8299
81.	Cho thuê xe có động cơ	7710

82.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
83.	Đại lý du lịch	7911
84.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
85.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: + Dịch vụ môi giới bất động sản ; + Dịch vụ tư vấn bất động sản ; + Dịch vụ quản lý bất động sản	6820
86.	Hoạt động cấp tín dụng khác Chi tiết: Dịch vụ cầm đồ	6492
87.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
88.	Sản xuất sợi	1311
89.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
90.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322
91.	Sản xuất thảm, chăn đệm	1323
92.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1324
93.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
94.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
95.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
96.	Sản xuất giày dép	1520
97.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
98.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
99.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
100.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
101.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
102.	In ấn	1811
103.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
104.	Sao chép bản ghi các loại	1820
105.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	2021
106.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
107.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
108.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
109.	Sản xuất thuỷ tinh và sản phẩm từ thuỷ tinh	2310
110.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
111.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
112.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
113.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
114.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512

115.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (không bao gồm hoạt động đấu giá)	4791
116.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
117.	Xuất bản phần mềm	5820
118.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
119.	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo	1073
120.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
121.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
122.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
123.	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
124.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
125.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
126.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
127.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
128.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
129.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
130.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
131.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý	4610
132.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
133.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm hoạt động đấu giá)	4513
134.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm hoạt động đấu giá)	4530
135.	Bán mô tô, xe máy	4541
136.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (không bao gồm hoạt động đấu giá)	4543
137.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
138.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
139.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
140.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
141.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
142.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
143.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
144.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
145.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
146.	Cắt tạo đá và hoàn thiện đá	2396

147.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
148.	Đúc sắt, thép	2431
149.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
150.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
151.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
152.	Quảng cáo	7310
153.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
154.	Lập trình máy vi tính	6201
155.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
156.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
157.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
158.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
159.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
160.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
161.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
162.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
163.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
164.	Sản xuất đồng hồ	2652
165.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
166.	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	2680
167.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
168.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
169.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
170.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
171.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
172.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
173.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
174.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
175.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
176.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
177.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
178.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
179.	Sản xuất máy luyện kim	2823
180.	Điều hành tua du lịch	7912
181.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
182.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
183.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816

184.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
185.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
186.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
187.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210

6. Vốn điều lệ: 9.900.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	TRẦN XUÂN SƠN	Số 17 ngách 144/4 phố Quan Nhân, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	4.950.000.000	50,000	012983756	
2	PHẠM VĂN MINH	Số 27 ngách 144/4 Quan Nhân, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	4.950.000.000	50,000	034082006774	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHẠM VĂN MINH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 02/09/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 034082006774

Ngày cấp: 01/12/2016

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 27 ngách 144/4 Quan Nhân, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 27 ngách 144/4 Quan Nhân, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội